

Số: /BC-UBND

Ngọc Liên, ngày tháng 02 năm 2026

## BÁO CÁO

### Tổng quan về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, tình hình sản xuất nông nghiệp; thống kê diện tích, năng suất, sản lượng các loại cây trồng chính theo mùa vụ năm 2025 trên địa bàn xã Ngọc Liên

Thực hiện công văn số 1454/SNNMT-KHTC ngày 28/01/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc cung cấp tài liệu phục vụ thực hiện “xây dựng hệ thống bản đồ nông hóa toàn tỉnh”. UBND xã Ngọc Liên báo cáo các nội dung cụ thể sau:

#### I. BÁO CÁO TỔNG QUAN VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI XÃ NGỌC LIÊN

##### 1. Điều kiện tự nhiên

1.1. Vị trí địa lý: Xã Ngọc Liên được thành lập trên cơ sở sáp nhập 05 xã (Ngọc Liên, Ngọc Sơn, Ngọc Trung, Cao Thịnh, Lộc Thịnh). Xã nằm ở khu vực phía tây tỉnh Thanh Hóa, có vị trí tiếp giáp như sau:

Phía Bắc giáp xã Thạch Lập.

Phía Đông giáp xã Cẩm Vân và xã Quý Lộc.

Phía Nam giáp xã Minh Sơn, xã Xuân Tín và xã Yên Phú.

Phía Tây giáp xã Ngọc Lặc.

1.2. Địa hình, địa mạo: Xã Ngọc Liên có địa hình và địa mạo mang đặc trưng chung của khu vực trung du – miền núi của tỉnh Thanh Hóa. Địa hình tương đối đa dạng nhưng nhìn chung khá bằng phẳng, thấp dần từ các khu vực gò đồi xuống vùng trung tâm xã và các khu vực ven sông, suối.

- Địa hình đồng bằng chiếm tỷ lệ lớn trong tổng diện tích tự nhiên, phân bố chủ yếu tại các khu vực đất sản xuất nông nghiệp và khu dân cư hiện hữu. Bề mặt địa hình tương đối ổn định, thuận lợi cho bố trí quỹ đất xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật và tổ chức sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là trồng lúa, cây hoa màu ngắn ngày và cây ăn quả lâu năm (cây dứa).

- Bên cạnh đó, trên địa bàn xã còn tồn tại các khu vực gò đồi thấp phân bố rải rác, chủ yếu tại các khu vực rìa xã. Các khu vực này có độ cao không lớn, địa hình lượn sóng nhẹ, độ dốc thoải đến trung bình. Địa mạo chủ yếu là dạng bào mòn – tích tụ, phù hợp cho phát triển cây lâu năm, cây lâm nghiệp, chăn nuôi và các mô hình kinh tế tổng hợp.

- Một số khu vực trũng thấp, đặc biệt tại các vùng ven sông, suối và khu vực ruộng trũng, có khả năng bị ngập úng cục bộ vào mùa mưa. Đây là yếu tố cần được xem xét trong công tác quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng và thiết kế hệ thống thoát nước nhằm đảm bảo phát triển bền vững và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

- Nhìn chung, địa hình – địa mạo xã Ngọc Liên tương đối thuận lợi cho phát triển kinh tế – xã hội và bố trí không gian xây dựng.

**1.3. Khí hậu, thời tiết:** Xã Ngọc Liên nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa của tỉnh Thanh Hóa, chịu ảnh hưởng rõ rệt của khí hậu miền Bắc Trung Bộ. Khí hậu trong năm được chia thành hai mùa rõ rệt là mùa mưa và mùa khô, với đặc điểm nóng ẩm, mưa nhiều vào mùa hè và khô lạnh vào mùa đông.

- Mùa mưa thường kéo dài từ khoảng tháng 5 đến tháng 10, lượng mưa chiếm phần lớn tổng lượng mưa cả năm. Trong thời kỳ này, xã chịu ảnh hưởng của gió mùa Tây Nam và các đợt mưa lớn do áp thấp nhiệt đới, bão và hoàn lưu sau bão, có thể gây mưa to đến rất to trong thời gian ngắn. Lượng mưa lớn tập trung có nguy cơ gây ngập úng cục bộ tại các khu vực trũng thấp, ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của người dân.

- Mùa khô kéo dài từ khoảng tháng 11 đến tháng 4 năm sau, chịu tác động chủ yếu của gió mùa Đông Bắc. Thời tiết trong mùa này tương đối khô, nhiệt độ giảm, có những đợt rét vào các tháng mùa đông. Một số thời điểm xuất hiện hiện tượng rét đậm, rét hại, ảnh hưởng đến cây trồng, vật nuôi và đời sống dân cư.

- Nhiệt độ trung bình năm trên địa bàn xã ở mức tương đối cao, biên độ nhiệt giữa các mùa khá lớn. Mùa hè nhiệt độ thường tăng cao, có thể xuất hiện các đợt nắng nóng kéo dài, kết hợp với gió Tây khô nóng, làm gia tăng nguy cơ hạn hán cục bộ, thiếu nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt.

- Độ ẩm không khí trung bình năm tương đối cao, đặc biệt trong mùa mưa, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh trưởng của cây trồng nhưng cũng làm gia tăng nguy cơ phát sinh sâu bệnh và các hiện tượng thời tiết cực đoan; điều kiện khí hậu, thời tiết xã Ngọc Liên sau sáp nhập tương đối thuận lợi cho phát triển sản xuất nông nghiệp và các hoạt động kinh tế – xã hội.

**1.4. Thủy văn, sông ngòi:** Xã Ngọc Liên nằm trong khu vực có mạng lưới thủy văn tương đối phát triển, gồm các sông, suối nhỏ, kênh mương nội đồng và hệ thống ao, hồ phân bố trên địa bàn. Các nguồn nước này chủ yếu phục vụ tưới tiêu nông nghiệp, tiêu thoát nước và sinh hoạt của người dân; chế độ thủy văn trên địa bàn xã phụ thuộc chặt chẽ vào lượng mưa theo mùa. Mùa mưa, lưu lượng nước trên các sông, suối và kênh mương tăng nhanh, tiềm ẩn nguy cơ ngập úng cục bộ tại các khu vực trũng thấp. Mùa khô, mực nước giảm, có thể xảy ra tình trạng thiếu nước cục bộ phục vụ sản xuất nông nghiệp; điều kiện thủy văn xã Ngọc Liên tương đối thuận lợi cho phát triển kinh tế – xã hội.

### **1.5. Tài nguyên thiên nhiên**

- Tài nguyên đất: theo kết quả kiểm kê đất đai đến ngày 31/12/2024: tổng diện tích 8.017,24ha; đất nông nghiệp 6.000,81ha; đất phi nông nghiệp 1.722,05; đất chưa sử dụng là 294.37ha.

- Tài nguyên nước: trên địa bàn xã có 35 công trình hồ, đập, trong đó: Hồ chứa: 22 hồ, Đập dâng: 13 đập.

- Tài nguyên khoáng sản: Hiện nay trên địa bàn xã có 18 đơn vị đã được UBND tỉnh cấp phép khai thác khoáng sản đang còn thời hạn khai thác. Các mỏ khai thác khoáng sản tập trung tại địa bàn 02 xã cũ (xã Cao Thịnh và xã Lộc

Thịnh) và tập trung nhiều tại xã Cao Thịnh. Loại khoáng sản trên địa bàn là đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường.

## **2. Điều kiện kinh tế - xã hội**

### **2.1. Tăng trưởng kinh tế**

- Giá trị sản xuất các ngành: giá trị tổng sản phẩm: 1.936.50 tỷ đồng, trong đó:

+ Nông lâm thủy sản: 650,5 tỷ đồng.

+ Công nghiệp – Xây dựng: 581,0 tỷ đồng.

+ Dịch vụ: 705,0 tỷ đồng.

### **2.2. Tình hình sản xuất ngành nông nghiệp**

- Lĩnh vực trồng trọt cơ bản được thực hiện đảm bảo tiến độ theo kế hoạch; cây trồng sinh trưởng phát triển tốt, công tác phòng, trừ sinh vật gây hại được quan tâm thực hiện. Tổng diện tích gieo trồng đạt 3.609,8/3.599,0ha bằng 100,3% kế hoạch giao, trong đó: Vụ đông 2024-2025 là 350,0 ha, Vụ xuân 2025 là 1.933,3 ha, vụ mùa 2025 là 1.326,5 ha. Diện tích gieo trồng một số cây trồng chủ yếu như sau: Lúa 1.493,5 ha; Ngô 445,7 ha; Rau đậu các loại 425,16 ha; sắn 252,0 ha... Triển khai rộng rãi kế hoạch làm thủy lợi mùa khô năm 2025 nhằm nâng cao hiệu quả tưới, tiêu, phục vụ sản xuất, góp phần tăng năng suất, sản lượng cây trồng.

- Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 10.167 tấn đạt 90% kế hoạch, do thiệt hại của mưa lũ gây ra đã làm thiệt hại một số lớn diện tích gieo trồng (*Diện tích thiệt hại Lúa 32,09 ha, ngô 32,3 ha*). Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao ước đạt 68 ha đạt 104,6% kế hoạch. Chuyển đổi diện tích đất trồng lúa, sắn, mía hiệu quả kém sang trồng dứa có giá trị kinh tế cao hơn. Diện tích một số cây trồng chủ yếu như sau: Dứa gai khoảng 1.010,9 ha, trong đó diện tích trồng mới 212,9 ha, diện tích cho sản phẩm 798,0 ha, năng suất bình quân ước đạt 49,8 tấn/ha, sản lượng ước đạt 39.740,4 tấn; giá bán bình quân là 10.000-11.000 đồng/kg, ước tính doanh thu 1 ha đạt 400 - 450 triệu đồng/ha; diện tích trồng mía 356,65 ha, diện tích trồng sắn dây 56,3 ha; diện tích dong giềng 45,5 ha...

- Tình hình phát triển chăn nuôi trên địa bàn ổn định, tổng đàn gia súc, gia cầm ước đạt 287.100 con đạt 100,1% kế hoạch (*trong đó: Trâu 2.589 con; bò 735 con; lợn 3.624 con; gia cầm các loại: 280.152 con*). Triển khai thực hiện công tác tiêm phòng vắc xin trên đàn gia súc, gia cầm đảm bảo tiến độ theo kế hoạch. Trong năm 2025, có 15/41 thôn có dịch tả lợn Châu Phi, số lượng tiêu hủy 283 con, tổng trọng lượng tiêu hủy 24.094 kg, UBND xã đã phối hợp với các cơ quan chức năng kịp thời thực hiện các biện pháp kiểm soát, ngăn chặn dịch tả lợn Châu Phi lây lan trên địa bàn.

- Lâm nghiệp tiếp tục phát triển theo hướng bền vững, công tác chăm sóc, bảo vệ và phát triển rừng được quan tâm, công tác phòng cháy rừng, an ninh rừng được bảo đảm, không để xảy ra cháy rừng, tỷ lệ che phủ rừng được duy trì là 26,25% đạt kế hoạch đề ra. Diện tích rừng được bảo vệ là 2.690 ha, trồng mới được 75 ha rừng sản xuất.

- Hoạt động nuôi trồng thủy sản duy trì ổn định, diện tích nuôi trồng thủy sản ước đạt 128,092 ha, sản lượng khai thác ước đạt 337,2 tấn đạt 112,4% kế hoạch. Công tác thủy lợi được quan tâm đảm bảo nguồn nước tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp.

**2.3. Hệ thống giao thông:** Trên địa bàn có đường giao thông tỉnh lộ 516B, 518C, 1518D và đường ATK, đường liên xã, trục xã, trục thôn, ngõ xóm và đường nội đồng, đáp ứng nhu cầu đi lại, sản xuất và giao thương của người dân. Các tuyến đường chính đã được cứng hóa, đảm bảo kết nối giữa trung tâm xã với các khu vực lân cận; Hệ thống đường thôn, xóm và đường nội đồng phục vụ sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp; tuy nhiên, một số tuyến có quy mô nhỏ, cần tiếp tục được nâng cấp, cải tạo theo định hướng quy hoạch nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội trong thời gian tới.

**2.4. Hệ thống thủy lợi:** Trên địa bàn xã có hệ thống sông Hép, sông Cầu Chày chảy qua có hệ thống kênh tưới, kênh Bắc cửa Đạt (Kênh chính và kênh nhánh) đi qua và có Công ty TNHH một thành viên sông Chu cung cấp, tưới tiêu cho diện tích hoa màu trên địa bàn xã; ngoài ra các tuyến kênh mương tưới, tiêu và các công trình thủy lợi nhỏ phục vụ chủ yếu cho sản xuất nông nghiệp và tiêu thoát nước trên địa bàn. Hệ thống kênh mương phân bố tương đối đều, gắn với các khu vực sản xuất tập trung. Nguồn nước tưới chủ yếu được khai thác từ các sông, suối, ao, hồ và hệ thống kênh mương nội đồng. Vào mùa mưa, hệ thống thủy lợi có vai trò tiêu thoát nước, hạn chế ngập úng cho khu vực canh tác và khu dân cư; vào mùa khô, đảm bảo cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

**2.5. Dân số, lao động và thu nhập:** Toàn xã có 27.782 nhân khẩu/6.307 hộ dân, gồm có hai dân tộc chính là dân tộc Mường chiếm 70,9%, người Kinh chiếm 26,9% còn lại là các dân tộc khác chiếm 2,2%; Lực lượng lao động trong nền kinh tế 16.767 người; lao động qua đào tạo 12.821 người; tỷ lệ lao động qua đào tạo 77,0% (trong đó 28,8% lao động có bằng cấp, chứng chỉ); tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động ước đạt 40,7%; Thu nhập bình quân đầu người năm 2025 là 68,38 triệu đồng/người/năm.

### **3. Đánh giá chung (thuận lợi, khó khăn đối với sản xuất nông nghiệp)**

**3.1. Thuận lợi:** Xã Ngọc Liên sau sáp nhập có quỹ đất nông nghiệp tương đối lớn, địa hình chủ yếu là đồng bằng và gò đồi thấp, thuận lợi cho phát triển trồng trọt và chăn nuôi. Điều kiện khí hậu nhiệt đới gió mùa, lượng mưa khá dồi dào, phù hợp với nhiều loại cây trồng. Hệ thống thủy lợi và giao thông nội đồng cơ bản đáp ứng nhu cầu tưới tiêu và vận chuyển phục vụ sản xuất. Người dân có kinh nghiệm lâu năm trong sản xuất nông nghiệp, từng bước áp dụng cơ giới hóa và tiến bộ kỹ thuật vào canh tác.

**3.2. Khó khăn:** Sản xuất nông nghiệp còn phụ thuộc nhiều vào điều kiện thời tiết, dễ bị ảnh hưởng bởi mưa lớn, ngập úng, hạn hán và nắng nóng kéo dài. Một số diện tích đất canh tác manh mún, chất lượng đất chưa đồng đều. Hệ thống thủy lợi ở một số khu vực chưa được kiên cố hóa đồng bộ, khả năng tiêu thoát nước còn hạn chế. Quy mô sản xuất chủ yếu nhỏ lẻ, liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản còn chưa bền vững, hiệu quả kinh tế chưa cao.

## **II. BÁO CÁO KẾT QUẢ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP**

## 1. Kết quả sản xuất nông nghiệp năm 2025

### 1.1. Trồng trọt:

- Tổng diện tích gieo trồng đạt 3.609,8/3.599,0 ha bằng 100,3% kế hoạch giao, trong đó:

+ Vụ đông 2024-2025 là 350,0 ha.

+ Vụ xuân 2025 là 1.933,3 ha.

+ Vụ mùa 2025 là 1.326,5 ha.

Diện tích gieo trồng một số cây trồng chủ yếu như sau: Lúa 1.493,5 ha; Ngô 445,7 ha; Rau đậu các loại 425,16 ha; sắn 252,0 ha.

+ Năng suất: Cây lúa 57,1 tạ/ha; cây ngô 36,8 tạ/ha do thiệt hại của mưa lũ gây ra đã làm thiệt hại một số lớn diện tích gieo trồng (*Diện tích thiệt hại Lúa 32,09 ha, ngô 32,3 ha*); cây mía năng suất bình quân đạt 69,5 tấn/ha, cây sắn năng suất ước đạt: 220 tạ/ha.

+ Tổng sản lượng lương thực có hạt ước đạt 10.167 tấn đạt 90% kế hoạch, do thiệt hại của mưa lũ gây ra đã làm thiệt hại một số lớn diện tích gieo trồng (*Diện tích thiệt hại Lúa 32,09 ha, ngô 32,3 ha*). Diện tích một số cây trồng chủ yếu như sau: Dứa gai khoảng 1.010,9 ha, trong đó diện tích trồng mới 212,9 ha, diện tích cho sản phẩm 798,0 ha, năng suất bình quân ước đạt 49,8 tấn/ha, sản lượng ước đạt 39.740,4 tấn; giá bán bình quân là 10.000-11.000 đồng/kg, ước tính doanh thu 1 ha đạt 400 - 450 triệu đồng/ha; diện tích trồng mía khoảng 356,65 ha, năng suất ước đạt 695 tạ/ha; diện tích trồng sắn dây khoảng 56,3 ha; diện tích dong giềng khoảng 45,5 ha...

- Phân bố diện tích các loại cây trồng (tập trung ở đâu): Diện tích các loại cây trồng (tập trung) được phân bố hầu hết trên địa bàn tất cả các thôn, làng (như cây dứa, cây mía, cây lúa...).

- Giá trị kinh tế các sản phẩm trồng trọt: Hoạt động trồng trọt trên địa bàn xã đóng vai trò quan trọng trong cơ cấu kinh tế nông nghiệp, góp phần tạo việc làm và thu nhập cho người dân. Các sản phẩm trồng trọt chủ yếu gồm lúa, cây dứa, cây mía, cây hoa màu và một số cây trồng khác phù hợp với điều kiện tự nhiên của địa phương; Sản xuất lúa giữ vai trò chủ đạo, vừa đảm bảo an ninh lương thực tại chỗ, vừa tạo nguồn thu nhập ổn định cho các hộ nông dân. Các loại cây hoa màu và cây trồng ngắn ngày góp phần đa dạng hóa cơ cấu cây trồng, nâng cao hiệu quả sử dụng đất và tăng giá trị kinh tế trên một đơn vị diện tích; Nhìn chung, giá trị kinh tế của các sản phẩm trồng trọt trên địa bàn xã còn ở mức trung bình, chủ yếu phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong địa phương và thị trường lân cận. Trong thời gian tới, việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, chuyển đổi cơ cấu cây trồng và liên kết tiêu thụ sản phẩm sẽ góp phần nâng cao giá trị kinh tế và hiệu quả sản xuất trồng trọt.

**1.2. Lâm nghiệp:** Lâm nghiệp tiếp tục phát triển theo hướng bền vững, công tác chăm sóc, bảo vệ và phát triển rừng được quan tâm, công tác phòng cháy rừng, an ninh rừng được bảo đảm, không để xảy ra cháy rừng, tỷ lệ che phủ rừng được duy trì là 26,2% đạt kế hoạch đề ra. Diện tích rừng được bảo vệ là 2.690 ha, trồng mới được 75 ha rừng sản xuất.

**1.3. Chăn nuôi:** Tình hình phát triển chăn nuôi trên địa bàn ổn định, tổng đàn gia súc, gia cầm ước đạt 287.100 con đạt 100,1% kế hoạch (*trong đó: Trâu 2.589 con; bò 735 con; lợn 3.624 con; gia cầm các loại: 280.152 con*). Triển khai thực hiện công tác tiêm phòng vắc xin trên đàn gia súc, gia cầm đảm bảo tiến độ theo kế hoạch. Trong năm 2025, có 15/41 thôn có dịch tả lợn Châu Phi, số lượng tiêu hủy 283 con, tổng trọng lượng tiêu hủy 24.094 kg, UBND xã đã phối hợp với các cơ quan chức năng kịp thời thực hiện các biện pháp kiểm soát, ngăn chặn dịch tả lợn Châu Phi lây lan trên địa bàn.

**1.4. Thủy sản:** Hoạt động nuôi trồng thủy sản duy trì ổn định, diện tích nuôi trồng thủy sản ước đạt 128,092 ha, sản lượng khai thác ước đạt 337,2 tấn đạt 112,4% kế hoạch.

**1.5. Kết quả tích tụ đất đai (nếu có)**

- Diện tích tích tụ: 245 ha.
- Loại đất tích tụ: Đất trồng cây hàng năm khác.

**2. Kế hoạch/Định hướng thực hiện sản xuất nông nghiệp năm 2026**

**2.1. Mục tiêu và các chỉ tiêu chủ yếu năm 2026:** Tổng diện tích: 4.639,5 ha. Trong đó: Vụ Đông 350 ha; vụ Xuân: 2.010 ha; vụ Mùa: 1.315ha.

- Cây Lúa: 1.487,5 ha (vụ Xuân: 700 ha, vụ Mùa: 787,5 ha).
- Cây Ngô: 430 ha (vụ Đông: 91 ha; vụ Xuân: 171 ha; vụ Mùa: 168 ha)
- Cây Lạc: 70 ha (vụ Xuân: 40 ha; vụ Thu - Mùa: 30 ha)
- Cây Mía: 250 ha.
- Cây Sắn: 150 ha.
- Rau các loại: 412 ha (vụ Đông: 176 ha; vụ Xuân: 132 ha; vụ Mùa: 104 ha).
- Cây Đậu: 20 ha (vụ Xuân: 3,0 ha, vụ Thu - Mùa 17 ha).
- Cây Ót: 8 ha (vụ Đông: 8 ha).
- Cây trồng khác: 600 ha.
- Diện tích cây dứa gai: 1.212 ha.

**2.2. Kế hoạch sản xuất nông nghiệp năm 2026**

**- Trồng trọt:**

- + Cây Lúa: 1.487,5 ha (vụ Xuân: 700 ha, vụ Mùa: 787,5 ha).
- + Cây Ngô: 430ha (vụ Đông: 91 ha; vụ Xuân: 171 ha; vụ Mùa: 168 ha)
- + Cây Lạc: 70 ha (vụ Xuân: 40 ha; vụ Thu - Mùa: 30 ha).
- + Cây Mía: 250 ha.
- + Cây Sắn: 150 ha.
- + Rau các loại: 412 ha (vụ Đông: 176 ha; vụ Xuân: 132 ha; vụ Mùa: 104 ha).
- + Cây Đậu: 20 ha (vụ Xuân: 3,0 ha, vụ Thu - Mùa 17 ha).
- + Cây Ót: 8 ha (vụ Đông: 8 ha).
- + Cây trồng khác: 600 ha.
- + Diện tích cây dứa gai: 1.212 ha.

**- Lâm nghiệp:** Diện tích rừng hiện có: **2.521,55** ha, trong đó:

- + Diện tích có rừng tự nhiên: 353,09 ha.
- + Diện tích có rừng trồng: 2.168,46 ha. Trong đó:
  - Diện tích rừng trồng đã thành rừng: 1.746,96 ha.
  - Diện tích rừng trồng chưa thành rừng: 421,51 ha.

- **Chăn nuôi:** Tổng đàn gia súc, gia cầm: 306.700 con, trong đó:
  - + Đàn trâu: 1.954 con.
  - + Đàn bò: 814 con.
  - + Đà lợn: 3.930 con.
  - + Đàn dê: 788 con.
  - + Đàn gia cầm: 299.214 con.

- **Thủy sản:** diện tích nuôi trồng thủy sản 128,092 ha.

### III. SỐ LIỆU THỐNG KÊ DIỆN TÍCH, NĂNG SUẤT, SẢN LƯỢNG CÁC LOẠI CÂY TRỒNG CHÍNH THEO MÙA VỤ NĂM 2025

#### 1. Diện tích, năng suất, sản lượng cây hàng năm

(thống kê theo mùa vụ: vụ xuân, vụ mùa, vụ đông)

TT	Cây trồng	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)
<b>I</b>	<b>Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm cả năm</b>	<b>3.609,8</b>		
Trong đó:				
	- Vụ Đông	350,0		
	- Vụ Xuân	1.933,3		
	- Vụ Mùa (ước thực hiện)	1.326,5		
<b>II</b>	<b>Diện tích, năng suất, sản lượng các cây trồng chính</b>			
<b>1</b>	<b>Lúa cả năm</b>	<b>1.493,5</b>		<b>8.527</b>
Trong đó:				
	- Vụ Xuân	702,9	60,0	4.217,4
	- Vụ Mùa	790,6	55,0	4.348,3
<b>2</b>	<b>Ngô cả năm</b>	<b>445,7</b>		<b>1.640</b>
Trong đó:				
	- Vụ Đông	109,6	51,10	560,056
	- Vụ Xuân	169,4	53,84	912,05
	- Vụ Thu	166,7		168,0
<b>3</b>	<b>Lạc cả năm</b>	<b>70,8</b>		<b>152.052</b>
Trong đó:				
	Vụ Xuân	41,6	21,6	89,856
	Vụ Thu	29,2	21,3	62,196
<b>4</b>	<b>Rau cả năm</b>	<b>405,53</b>		<b>4.459,478</b>
Trong đó:				
	Vụ Đông	175,8	109,6	1.926,768
	Vụ Xuân	119,08	112,8	1.343,22
	Vụ Thu (ước thực hiện)	110,65	107,5	1.189,49
<b>5</b>	<b>Đậu cả năm</b>	<b>19,83</b>		<b>31,906</b>
Trong đó:				
	Vụ Đông	0		

	Vụ Xuân	2,92	16,61	4,85
	Vụ Thu (ước thực hiện)	16,91	16	27,056
<b>6</b>	<b>Ớt cả năm</b>	<b>6,66</b>		<b>147,165</b>
	Trong đó:			
	Vụ Đông	4,5	221,1	99,495
	Vụ Xuân	1,34	220,54	29,55
	Vụ Thu	0,82	221	18,12
<b>7</b>	<b>Mía</b>	<b>356,65</b>		<b>23.378,4</b>
	Trong đó:			
	Mía nguyên liệu	356,65	695	24.787,2
<b>8</b>	<b>Sắn</b>	<b>252,0</b>		<b>5.434,56</b>
	Trong đó:			
	Sắn nguyên liệu	252,0	220	5.544
<b>9</b>	<b>Diện tích các cây trồng khác</b>	<b>644,98</b>		

## 2. Diện tích, năng suất, sản lượng cây lâu năm

TT	Cây trồng	Tổng diện tích gieo trồng (ha)	Diện tích cho thu hoạch (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)
<b>I</b>	<b>Cây ăn quả</b>				
	- Bưởi, cam, quýt	<b>68,26</b>	<b>68,26</b>	<b>300</b>	<b>2.047,8</b>
	- Dứa	<b>1.010,9</b>	<b>798</b>	<b>498</b>	39.740,4
	- Ổi	<b>28,24</b>	<b>25,24</b>	<b>175</b>	<b>44,7</b>
	- Nhãn, vải	<b>35,84</b>	<b>35,84</b>	<b>55</b>	<b>1.971,2</b>
	- Thanh long				
	- Mắc ca				
	- Xoài				
<b>II</b>	<b>Cây lâu năm khác</b>				
	- Chè				
	- Cao su	<b>133,73</b>	<b>133,73</b>	<b>528 (mủ đông)</b>	<b>7.060,9</b>

## IV. BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT CÁC MÔ HÌNH SẢN XUẤT TRỒNG TRỌT TIÊU BIỂU TẠI XÃ

### 1. Thông tin chung về mô hình

- Tên mô hình: Mô hình trồng dứa MD2 theo hướng hữu cơ, đảm bảo tiêu chí xuất khẩu.

- Địa điểm trên địa bàn xã Ngọc Liên, thời gian thực hiện mô hình 2025.

- Loại cây trồng, quy mô: giống Dứa MD2; Diện tích: 5 ha.

- Đặc điểm nơi thực hiện:

+ Địa hình: Đất đồi và đất bằng có độ dốc nhẹ (< 5%).

+ Thổ nhưỡng: Đất tơi xốp, tầng canh tác dày, độ pH tối ưu từ 4.5 – 5.5.

+ Chế độ tưới/tiêu: Thoát nước tốt (dứa MD2 rất sợ ngập úng gây thối rễ) và một số diện tích có nguồn nước tưới đảm bảo.

+ Đơn vị thực hiện: Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp và giống cây trồng Đồng Tâm.

## 2. Các biện pháp kỹ thuật áp dụng

- Làm đất: Cày sâu 25–30cm, bừa kỹ. Quan trọng một số diện tích đất: Phải lên luống cao 20–25cm để tránh úng và trái màng phủ nông nghiệp để hạn chế cỏ dại, giữ ẩm.

- Gieo trồng: Giống MD2 được trồng từ chồi nách, chồi cuống, chồi ngầm và chồi ngọn (chồi hoa).

- Mật độ: Khoảng 50.000 – 55.000 cây/ha (Hàng cách hàng 40 - 60cm, cây cách cây 40cm).

- Chăm sóc: Cung cấp dinh dưỡng và tưới nước định kỳ đảm bảo cây sinh trưởng và phát triển tốt

- Xử lý ra hoa: Sử dụng đất đèn (CaC<sub>2</sub>) hoặc Ethylene khi cây đạt đủ số lá (khoảng 35–40 lá hoạt động).

- Bón phân: Tập trung bón lót phân hữu cơ hoai mục, bón phân thúc và phun phân bón qua lá có nguồn gốc hữu cơ.

- Phòng trừ sâu bệnh: Chú trọng phòng bệnh thối đầu lá/thối rễ (do nấm *Phytophthora*) bằng cách xử lý chồi trước khi trồng bằng thuốc gốc đồng.

- Thu hoạch: Thu hoạch khi mắt dừa chuyển vàng từ 1–2 hàng ở dưới đáy quả. Tránh làm dập nát các mắt dừa vì MD2 có vỏ mỏng hơn dừa Queen.

## 3. Kết quả thực hiện mô hình

### 3.1. Đánh giá chỉ tiêu kỹ thuật

Chỉ tiêu	Mô hình dừa MD2	Sản xuất dừa truyền thống (Queen)
Trọng lượng	Quả 1,5 – 2,2 kg	Quả 0,7 – 1,2 kg/quả
Độ ngọt (Brix)	14 – 17%	11 – 13%
Tỷ lệ sống	> 95%	85 - 90%
Hình thức	Quả hình trụ, mắt phẳng, vỏ mỏng vàng sáng	Quả hình trụ hơi thuôn hoặc bầu dục, mắt sâu
Năng suất	72 tấn – 120 tấn	42 tấn – 72 tấn

### 3.2. Hiệu quả kinh tế

- Chi phí đầu tư: Giống dừa MD2 chi phí đầu tư cao hơn giống dừa Queen (do tiền giống MD2 và màng phủ), nhưng giảm giá thành chi phí thuốc bảo vệ thực vật và phân bón hơn so với dừa Queen.

- Năng suất: của dừa MD2 cao hơn so với dừa Queen.

- Giá bán: Thường cao hơn dừa thường từ 2.000 – 5.000 đ/kg.

- Doanh thu: Ước tính đạt từ 720 – 1,200 triệu đồng/ha/vụ, cao gấp 1.5 lần so với các giống dừa cũ.

**4. Kết luận:** Mô hình trồng dừa MD2 theo hướng hữu cơ không chỉ mang lại kinh tế cao, tạo công ăn việc làm cho nhiều lao động tại xã, ổn định cuộc

sống, bảo vệ sức khỏe người sản xuất, người tiêu dùng và bảo vệ nguồn đất. Đây là hướng đi tất yếu để nâng tầm giá trị nông sản của xã.

Trên đây là báo cáo tổng quan về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, tình hình sản xuất nông nghiệp; thống kê diện tích, năng suất, sản lượng các loại cây trồng chính theo mùa vụ năm 2025 trên địa bàn xã Ngọc Liên./.

***Nơi nhận:***

- Sở Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT. UBND xã;
- Lưu VT

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phạm Văn Tùng**